

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GD
TỈNH TN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 17-7-2018
V/v tranh chấp “Ly hôn và
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GD, TỈNH TN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vui.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Trường Tam

2. Bà Đoàn Thụy Trúc Linh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Xuân Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện GD, tỉnh TN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GD tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện GD xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 271/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2018/QĐHST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Đặng Trung T, sinh năm: 1992.

- *Bị đơn:* Chị Võ Thị L, sinh năm: 1991.

Cùng địa chỉ: Tổ 7, ấp PH, xã PT, huyện GD, tỉnh TN.

Tất cả vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn anh Đặng Trung T trình bày:

Anh và chị L bắt đầu chung sống với nhau vào năm 2014, hôn nhân tự nguyện, không tổ chức lễ cưới, có cho 01 số nữ trang nhưng hiện tại không còn vì vợ chồng bán để nuôi con, có đăng ký kết hôn ở Ủy ban nhân dân xã PT huyện GD. Khi bắt đầu chung sống vợ chồng ở chung nhà với mẹ ruột anh và có 01 con chung tên Đặng Võ Hoàng T, sinh ngày 15/5/2014 hiện anh đang nuôi. Anh chị không có tài sản chung và nợ chung.

Anh chị chung sống hạnh phúc đến khoảng giữa năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị L ghen tuông vô cớ, trong khi anh vẫn đi làm bình thường, không quen biết người phụ nữ nào khác, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, anh giận không nói chuyện với chị L, từ đó chị L tự ý bỏ đi và sống ly thân từ khoảng tháng 3/2017 cho đến nay. Trong thời gian chị L bỏ đi anh chị không gặp nhau để bàn bạc hàn gắn gia đình chị L cũng không thăm con. Nay anh xác định tình cảm anh chị không còn nên không thể tiếp tục chung sống được nữa, do đó anh yêu cầu được ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh yêu cầu được tiếp tục nuôi, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị Võ Thị L: Chị L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của anh T.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng anh T đã thực hiện đúng, tuy nhiên chị L không thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T đối với chị L; về con chung: Giao anh T được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục, chị L không cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: anh T khai không có nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Võ Thị L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và anh Đặng Trung T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh T và chị L chung sống với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Anh T yêu cầu ly hôn, nguyên nhân do chị L ghen tuông vô cớ từ đó anh chị thường xuyên mâu thuẫn cãi vã nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và chị L tự ý bỏ đi từ tháng 3/2017. Xét thấy, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị L vẫn vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình, chứng tỏ chị L không thể hiện thiện chí đoàn tụ và trong thời gian ly thân anh chị không gặp nhau bàn bạc hàn gắn gia đình. Như vậy có đủ căn cứ cho rằng mâu thuẫn giữa anh T và chị L lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh T yêu cầu được nuôi cháu Đặng Võ Hoàng T, sinh ngày 15/5/2014. Anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, từ ngày anh chị sống ly thân, cháu Thái sống chung với anh T, được anh T và mẹ ruột anh chăm sóc, giáo dục phát triển bình thường. Hiện nay, anh T đi làm công nhân có thu nhập ổn định nên có điều kiện, khả năng để nuôi dạy con. Do đó, Hội đồng xét xử cần giao con cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh T khai không có nên không giải quyết. Trường hợp chị L có tranh chấp sẽ thụ lý giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Anh T phải chịu theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 227 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đặng Trung T đối với chị Võ Thị L. Anh T được ly hôn với chị L.

2. Về con chung: Giao cho anh T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Đặng Võ Hoàng T, sinh ngày 15/5/2014. Chị L không cấp dưỡng nuôi con.

Chị L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh T không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà anh đã nộp theo biên lai thu số 0013308 ngày 09/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện GD. Anh T đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện GD;
- Chi cục THADS huyện GD;
- Các đương sự;
- UBND xã PT;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Vui